

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24/5/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ- TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Kiểm

2. Bà Nguyễn Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ H Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đinh Diễm Kiều Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 478/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/11/2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2023/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Ngọc A**, sinh năm 1991

ĐKHKT: Thôn H, xã Lũng Hòa, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Huy H**, sinh năm 1988

ĐKHKT: Tổ 46, phố T2, phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

(Chị A có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/10/2022, bản tự khai ngày 30/11/2022, quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Đỗ Thị Ngọc A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 10/12/2013 chị Đỗ Thị Ngọc A và anh Nguyễn Huy H đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay chị A nhận thấy tình cảm với anh H không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị A trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh T3, sinh ngày 05/12/2014. Hiện nay, cháu T3 đang sống cùng chị A. Khi ly hôn, chị A xin được nuôi cháu Nguyễn Thị Minh T3 và không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị A trình bày vợ chồng không có, ly hôn chị không có đề nghị gì.

Tại phiên tòa, chị A có đơn xin xét xử vắng mặt, chị A vẫn giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án.

Phía bị đơn, anh Nguyễn Huy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 23/12/2022, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh H là Tổ 46, phố T2, phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đều có nội dung xác định: Từ khoảng năm 2014, anh Nguyễn Huy H và gia đình không có mặt tại nơi cư trú là Tổ 46, phố T2, phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, hộ khẩu của anh H vẫn ở địa chỉ trên, cụ thể anh H và gia đình hiện đang ở đâu, chính quyền địa phương không nắm rõ. Đại diện khu dân cư đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/02/2023, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Ngọc A đã có đơn đề nghị tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với anh Nguyễn Huy H. Chị A trình bày đã không liên lạc với anh H và gia đình anh H kể từ năm 2014 khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Ngày 20/02/2023, Tòa án đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh H và tiến hành đăng tin tìm kiếm anh H trên các phương tiện thông tin đại chúng 03 số liên tiếp nhưng anh H vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS, khoản 4 Điều 147; Điều 273, Điều 280 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14](#) ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Ngọc A được ly hôn anh Nguyễn Huy H.

Về con chung: Do anh H không đến Tòa làm việc nên không có quan điểm về vấn đề nuôi con chung. Hơn nữa, hiện tại con chung là cháu Nguyễn Thị Minh T3, sinh ngày 05/12/2014 vẫn sống cùng chị A từ năm 2014 khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Vì vậy, giao cháu T3 cho chị A chăm sóc là phù hợp. Chị A không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị A xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị A phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 09/11/2022, chị Đỗ Thị Ngọc A nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn với anh Nguyễn Huy H, đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình được Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Nguyễn Huy H vắng mặt tại nơi cư trú từ khoảng năm 2014. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng và đăng tin tìm kiếm anh H trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đề nghị của nguyên đơn nhưng anh H vẫn vắng mặt tại Tòa án không có lý do nên đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ngày 10/12/2013 chị Đỗ Thị Ngọc A và anh Nguyễn Huy H đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay chị A nhận thấy tình cảm với anh H không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H không đến Tòa án để làm việc và hòa giải nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi cư trú của anh H được biết từ khoảng năm 2014, anh H và gia đình vắng mặt tại nơi cư trú và không xác định được cụ thể anh H đang ở đâu. Tòa án đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh H theo đơn đề nghị của nguyên đơn là chị Đỗ Thị Ngọc A. Chị A trình bày đã không liên lạc với anh H và gia đình anh H kể từ năm 2014 khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Tòa án đã tiến hành đăng tin tìm kiếm anh H trên các phương tiện thông tin đại chúng 03 số liên tiếp nhưng anh H vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Theo đó, việc chị A xin ly hôn với anh H là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị A và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh T3, sinh ngày 05/12/2014 vẫn sống cùng chị A từ năm 2014 khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Khi ly hôn, chị A xin được nuôi cháu T3 và không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H không đến Tòa án nên không có quan điểm về việc nuôi con chung.

Xét về điều kiện chăm sóc và nuôi dạy con chung của chị A là chính đáng. Cháu Nguyễn Thị Minh T3 hiện còn nhỏ, là con gái do vậy cần sự quan T3, chăm sóc của người mẹ hơn và do anh H vắng mặt tại nơi cư trú không rõ hiện đang ở đâu. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi cho con chung, cần chấp nhận đề nghị của nguyên đơn là giao cho chị A được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Minh T3, sinh ngày 05/12/2014 đến khi cháu T3 thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử xét thấy chị A tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên cần chấp nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị A xác định vợ chồng không có, ly hôn chị không có đề nghị gì. Anh H không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về các vấn đề trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị A phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Ngọc A xin ly hôn anh Nguyễn Huy H.

Xử cho chị Đỗ Thị Ngọc A ly hôn với anh Nguyễn Huy H.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Ngọc A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Minh T3, sinh ngày 05/12/2014 cho đến cháu T3 khi thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị A do chị A tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Ngọc A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị A đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0010017 ngày 15/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

“ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS TP;
- Chi cục THADS TP. Việt Trì;.
- UBND P.T;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Cẩm Vân

